

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA LUẬT QUỐC TẾ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Hà Nội, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1. Ngành đào tạo: Luật Thương mại Quốc tế	1
2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Luật thương mại quốc tế.....	1
3. Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Học viện Ngoại giao	1
4. Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Luật Quốc tế, Học viện Ngoại giao.....	1
5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình.....	1
6. Tiêu chí tuyển sinh.....	2
7. Thời gian đào tạo	3
8. Điều kiện tốt nghiệp.....	3
9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	4
10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn	5
II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.....	5
1. Mục tiêu.....	5
2. Chuẩn đầu ra	6
3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập.....	8
4. Phương pháp đánh giá	10
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	12
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương:.....	13
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:.....	13
3. Khối kiến thức ngoại ngữ:	16
4. Khối học phần kỹ năng:.....	16
5. Khối kiến thức hướng nghiệp:.....	16
6. Khối kiến thức tốt nghiệp:.....	17
7. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra.....	18
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN	23
V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN	27
A. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG.....	27
1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN.....	27
2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN.....	27

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	28
4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	28
5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	29
6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	29
7. TIN HỌC.....	30
8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT.....	30
9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH	31
B. KHÔI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	31
B.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ KHÔI NGÀNH	31
10. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM.....	31
11. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC.....	32
B.2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC.....	32
12. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ.....	32
13. TƯ PHÁP QUỐC TẾ.....	33
14. LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ	33
15. LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ.....	34
16. LUẬT ĐẦU TƯ QUỐC TẾ.....	34
17. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	35
18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ.....	35
19. LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM	36
20. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM	36
21. LUẬT THƯƠNG MẠI VIỆT NAM.....	37
B.3. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TỰ CHỌN	38
22. LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM.....	38
23. LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM.....	38
24. LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM.....	39
25. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM.....	39
26. PHÁP LUẬT HẢI QUAN.....	40
27. PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	40
28. PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG.....	41
29. LUẬT HỌC SO SÁNH	41
30. LUẬT HỢP ĐỒNG SO SÁNH.....	41
31. PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH	42
B.4. KIẾN THỨC BỔ TRỢ.....	42
32. CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU.....	42
33. KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG	43

34. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ.....	43
35. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ	44
B.5. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TỰ CHỌN.....	45
36. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN (AFTA).....	45
37. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU-VIỆT NAM (EVFTA)	46
38. HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP).....	46
39. HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIỀN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)	47
40. CÁC HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ SONG PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM	48
41. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐƯƠNG ĐẠI	48
42. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐƯƠNG ĐẠI.....	49
43. PHÁP LUẬT LIÊN MINH CHÂU ÂU	49
44. CÔNG ƯỚC VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ (CISG).....	50
45. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ QUỐC TẾ	50
46. TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	51
47. TẬP QUÁN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (<i>LEX MERCATORIA</i>)	51
C. KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ.....	52
48. TIẾNG ANH CƠ SỞ I (DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 1).....	52
49. TIẾNG ANH CƠ SỞ II (DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 1).....	52
50. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH (THUỘC KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ - DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 2)	53
51. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I.....	53
52. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II.....	54
53. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III (DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 2).....	55
54. BIÊN DỊCH I.....	55
55. BIÊN DỊCH II.....	56
D. KHỐI HỌC PHẦN KỸ NĂNG	57
56. KỸ NĂNG TRANH TỤNG VÀ THỰC HÀNH ĐIỂN ÁN LUẬT	57
57. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN.....	58
58. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ	58
59. KỸ NĂNG SOẠN THẢO, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	59

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Luật Thương mại Quốc tế

Mã ngành:

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Luật thương mại quốc tế

3. Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Luật Quốc tế, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông

tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Các văn bản của Học viện Ngoại giao

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 508/QĐ-HVNG ngày 10/8/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy.

5.3. Căn cứ thực tiễn

- Chương trình đào tạo ngành luật, ngành thương mại quốc tế của trường Trường đại học Georgetown, Hoa Kỳ và trường đại học Quốc gia Singapore.

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, luật thương mại quốc tế của Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Ngoại thương, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội để tham chiếu.

- Nhu cầu nguồn nhân lực làm việc tại các cơ quan Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp, các cựu sinh viên Học viện Ngoại giao và sinh viên hiện tại của Học viện Ngoại giao (sinh viên năm thứ 4 năm học 2020-2021 của Học viện Ngoại giao; sinh viên năm thứ 4 năm học 2021-2022).

- Kết quả phỏng vấn lấy ý kiến giảng viên.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ tất cả các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

STT	Điều kiện	Tiêu chí thực hiện
1	Phẩm chất đạo đức	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
2	Kết quả học tập	- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ theo quy định của ngành đào tạo. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên.
3	Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ của Học viện.
4	Tin học	Theo quy định của Học viện.
5	Giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất	- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện.
6	Học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy

		định của Học viện.
7	Thư viện	Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện.
8	Trách nhiệm cộng đồng	Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện.

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Làm việc trong các cơ quan, đơn vị nhà nước có chức năng nhiệm vụ liên quan đến luật pháp quốc tế, pháp chế bộ, ngành hoặc hợp tác quốc tế của hầu hết bộ ban ngành và các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị trực thuộc Bộ Ngoại giao.

- Nhóm 2: Làm việc ở bộ phận pháp chế của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các công ty có quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế (đảm nhận các công việc như phụ trách, rà soát các vấn đề có liên quan đến luật pháp nói chung, luật thương mại quốc tế nói riêng).

- Nhóm 3: Hành nghề luật sư tại các công ty luật Việt Nam và nước ngoài;

- Nhóm 4: Làm các công việc giảng dạy và nghiên cứu cho các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Nhóm 5: Làm việc cho các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, các toà soạn báo, tạp chí phụ trách các vấn đề liên quan tới pháp luật (cộng tác viên, phóng viên, biên tập viên).

- Nhóm 6: Làm việc tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ, các tổ chức quốc tế phi chính phủ (đảm nhiệm các công việc liên quan đến luật thương mại quốc tế).

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

- Trên nền tảng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp có khả năng học tiếp tục ngay lên bậc sau Đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc các chuyên ngành Luật thương mại quốc tế, Luật kinh doanh quốc tế, Luật sở hữu trí tuệ quốc tế,... tại các trường Đại học, Học viện, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Sau khi tốt nghiệp và có mong muốn hành nghề luật sư, sinh viên có thể tiếp tục học Chứng chỉ hành nghề Luật sư tại Học viện Tư pháp.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật thương mại quốc tế có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có tri thức về pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, ngoại ngữ và có khả năng vận dụng các tri thức đó để đáp ứng nhu cầu của xã hội liên quan đến lĩnh vực được đào tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về pháp luật; có kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam; có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản của ngành và kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề pháp lý thương mại quốc tế trên thực tế; có kiến thức ngoại ngữ cần thiết để làm việc trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

- Được trang bị các phương pháp và kỹ năng thực hành nghề luật; có khả năng tư duy, phân tích và đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; có khả năng áp dụng các kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn; có kỹ năng đàm phán, tư vấn pháp lý và làm việc với khách hàng; có khả năng làm việc độc lập, hợp tác trong làm việc nhóm; có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình bằng tiếng Việt và tiếng Anh; có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích; sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm ứng dụng văn phòng thông dụng.

- Trung thành với lợi ích quốc gia, dân tộc; có ý thức tổ chức kỷ luật cao; nắm vững đường lối chính sách đối nội và đối ngoại của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một người hành nghề luật, có ý thức tôn trọng và chấp hành luật pháp; có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội; có tinh thần trách nhiệm làm việc nghiêm túc, trung thực, khoa học, và trách nhiệm với công việc được giao; có tinh thần cầu tiến, thân thiện, đoàn kết với các đồng nghiệp và các cá nhân khác trong công việc.

2. Chuẩn đầu ra

STT	MÃ	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ
2.1. KIẾN THỨC			
1	KT1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị: Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, CNXH Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích và giải quyết các vấn đề luật quốc tế trên thực tiễn. - Vận dụng kiến thức bổ trợ (truyền thông quốc tế, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế) vào giải quyết các vấn đề trên thực tiễn. 	3/6
2	KT2	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành như lý	3/6

		luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.	
3	KT3	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành như công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật dân sự Việt Nam, , luật thương mại Việt Nam, luật thương mại quốc tế luật kinh tế quốc tế, , ... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.	3/6
4	KT4	Vận dụng kiến thức chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực thương mại quốc tế như luật sở hữu trí tuệ quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế, tập quán thương mại quốc tế... để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể phát sinh trong thực tiễn công việc.	3/6
5	KT5	Vận dụng kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất trong rèn luyện bản thân.	3/6
2.2. KỸ NĂNG			
6	KN1	Giải quyết các vấn đề pháp lý theo pháp luật Việt Nam.	4/5
7	KN2	Giải quyết các vấn đề pháp lý có yếu tố nước ngoài.	4/5
8	KN3	Đàm phán, giao kết, tổ chức thực hiện và giải quyết tranh chấp phát sinh đối với các Hợp đồng hoặc Điều ước quốc tế.	4/5
9	KN4	Có kỹ năng đàm phán, giải quyết mâu thuẫn,	4/5

		xung đột trong công việc của bản thân/nhóm/bộ phận/tổ chức; có kỹ năng tư duy và phản biện; khả năng thích nghi trong làm việc nhóm; thành thạo trong viết CV và trả lời phỏng vấn.	
10	KN5	Sử dụng ngoại ngữ và ngoại ngữ chuyên ngành trong thực tiễn công việc sau khi ra trường.	4/5
11	KN6	Kỹ năng tin học: sinh viên sau khi tốt nghiệp có kỹ năng cơ bản trong các sản phẩm Microsoft Office: Word, Excel, PowerPoint,...	4/5
2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
12	NLTC1	Trở thành công dân toàn cầu, tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp.	4/5
13	NLTC2	Tự học hỏi phục vụ cho công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời; có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân.	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Phương pháp, hình thức tổ chức	Mục đích	Tỷ lệ (%)
<i>Giảng dạy</i>		
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic.	40%
Thảo luận trên lớp,	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng	20%

Thảo luận nhóm, Thuyết trình	viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học.	
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.	15%
Nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.	15%
Học tập thông qua thực tế trải nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các chuyên đề/tọa đàm/hội thảo với các chuyên gia về các vấn đề của học phần. - Đi thực tế tới các cơ quan, doanh nghiệp để tìm hiểu về quy trình tổ chức và làm việc. 	10%
<i>Học tập</i>		
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm.	15%
Học ở nhà (Tự học /nghiên cứu trước tài liệu ở nhà)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	15%
Học theo hình thức blended learning	Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. Cung cấp cho sinh viên các hoạt	15%

	động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ.	
Học cá nhân (Tự học/nghiên cứu tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời.	15%
Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế.	15%
Học lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được các khái niệm từ đó nắm được bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế.	15%
Học theo dự án	Giúp sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết với thực tế, rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn; phát triển năng lực sáng tạo, phối hợp làm việc, tự đánh giá.	5%
Kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.	5%

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Điểm học phần được đánh giá qua tối thiểu 03 điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi

tiết của mỗi học phần. Trong đó:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm học phần;

- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm học phần;

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm của học phần.

Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần xác định được Trường Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm thi kết thúc học phần và điểm thành phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10),

sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F, P) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **122** tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 122 tín chỉ

Stt	Nội dung	Số tín chỉ (TC)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	15
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	66
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	06
	- Kiến thức cơ sở ngành	36
	- Kiến thức bổ trợ	12
	- Kiến thức chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tự chọn	12
3	Kiến thức ngoại ngữ	16
4	Học phần kỹ năng	10
5	Kiến thức hướng nghiệp	05
6	Kiến thức tốt nghiệp	10

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương:

15 tín chỉ*

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IL.001.02	02	Tiếng Việt
7	Tin học	IT.001.02	02	Tiếng Việt
8	<i>Giáo dục thể chất</i>	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

* không bao gồm số TC học phần *Giáo dục thể chất* và *Giáo dục quốc phòng-an ninh*

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

66 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Kiến thức cơ sở khối ngành			06 TC	
1	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam		03	Tiếng Việt
2	Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước		03	Tiếng Việt
Kiến thức cơ sở ngành <i>Sinh viên phải hoàn thành 36 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành bao gồm 30 tín chỉ bắt buộc (10 học phần) và 06 tín chỉ tự chọn (02 học phần)</i>			36	
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc (thuộc khối kiến thức cơ sở ngành)			30 TC	

1	Công pháp quốc tế		03	Tiếng Việt
2	Tư pháp quốc tế		03	Tiếng Việt
3	Luật kinh tế quốc tế		03	Tiếng Việt
4	Luật kinh doanh quốc tế		03	Tiếng Việt
5	Luật đầu tư quốc tế		03	Tiếng Việt
6	Luật thương mại quốc tế		03	Tiếng Việt
7	Giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế		03	Tiếng Việt
8	Luật dân sự Việt Nam		03	Tiếng Việt
9	Luật tố tụng dân sự Việt Nam		03	Tiếng Việt
10	Luật thương mại Việt Nam		03	Tiếng Việt
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành)			06 TC	
1	Luật hợp đồng Việt Nam		03	Tiếng Việt
2	Luật doanh nghiệp Việt Nam		03	Tiếng Việt
3	Luật đầu tư Việt Nam		03	Tiếng Việt
4	Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam		03	Tiếng Việt
5	Pháp luật hải quan		03	Tiếng Việt
6	Pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử		03	Tiếng Việt
7	Pháp luật tài chính-ngân hàng		03	Tiếng Việt
8	Luật học so sánh		03	Tiếng Việt
9	Luật hợp đồng so sánh		03	Tiếng Việt
10	Pháp luật về cạnh tranh		03	Tiếng Việt
Kiến thức bổ trợ			12 TC	
1	Các vấn đề toàn cầu		03	Tiếng Việt
2	Kinh tế học đại cương		03	Tiếng Việt
3	Truyền thông quốc tế		03	Tiếng Việt

4	Quan hệ kinh tế quốc tế		03	Tiếng Việt
Kiến thức chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tự chọn			12 TC	
<p><i>Sinh viên cần lựa chọn các học phần chuyên ngành để hoàn thành 12 tín chỉ (04 học phần) trong các chuyên ngành dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm của Khoa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các chuyên ngành và học phần phù hợp.</i></p> <p><i>Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa.</i></p>				
1	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN (AFTA)		03	Tiếng Việt
2	Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA)		03	Tiếng Việt
3	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)		03	Tiếng Việt
4	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)		03	Tiếng Việt
5	Các Hiệp định đầu tư song phương của Việt Nam		03	Tiếng Việt
6	Thương mại quốc tế và các vấn đề pháp lý đương đại		03	Tiếng Việt
7	Đầu tư quốc tế và các vấn đề pháp lý đương đại		03	Tiếng Việt
8	Pháp luật liên minh Châu Âu		03	Tiếng Việt
9	Công ước về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)		03	Tiếng Việt
10	Luật sở hữu trí tuệ quốc tế		03	Tiếng Việt
11	Trọng tài thương mại quốc tế		03	Tiếng Việt
12	Tập quán thương mại quốc tế (<i>lex mercatoria</i>)		03	Tiếng Việt

3. Khối kiến thức ngoại ngữ:**16 tín chỉ****

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Tiếng Anh	16	Tiếng Anh
2	Tiếng Pháp	16	Tiếng Pháp
3	Tiếng Trung Quốc	16	Tiếng Trung
4	Tiếng Nhật	16	Tiếng Nhật
5	Tiếng Hàn	16	Tiếng Hàn

***Sinh viên lựa chọn học 1 trong 5 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn; phần thiết kế chương trình và mô tả các học phần Ngoại ngữ tại Phụ lục kèm theo*

4. Khối học phần kỹ năng:**10 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật		03	Tiếng Việt
2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản		02	Tiếng Việt
3	Kỹ năng soạn thảo, đàm phán, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế		02	Tiếng Việt
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật và hành nghề luật sư		03	Tiếng Việt

5. Khối kiến thức hướng nghiệp:**05 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp	AAD.038.02	02	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa		03	Tiếng Việt

6. Khối kiến thức tốt nghiệp:**10 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	- Khóa luận tốt nghiệp - Hoặc học và thi một số học phần chuyên môn***	IL.040.10	10	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

*** Sinh viên lựa chọn học phần trong số những học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành tự chọn mà trước đó chưa học

7. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra

STT	Môn học	Chuẩn đầu ra												
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN2	KN3	KN 4	KN 5	KN 6	NLTC1	NLTC2
1.	Triết học Mác – Lênin	3								3			4	4
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3								3			4	4
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3								3			4	4
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								3			4	4
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3								3			4	4
6.	Phương pháp nghiên cứu khoa học									3			4	4
7.	Tin học											4		4
8.	Giáo dục thể chất					3								4
9.	Giáo dục quốc phòng - an ninh					3							4	4
10.	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam		3				3			3			4	4
11.	Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước		3				3			3			4	4

12.	Công pháp quốc tế			4	4			3		3			4	4
13.	Tư pháp quốc tế			4	4			3	3	3			4	4
14.	Luật kinh tế quốc tế			4	4		3	3	3	3			4	4
15.	Luật kinh doanh quốc tế				4			3					4	4
16.	Luật đầu tư quốc tế				4			3					4	4
17.	Luật thương mại quốc tế				4			3					4	4
18.	Giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế			4			3						4	4
19.	Luật dân sự Việt Nam			3			3						4	4
20.	Luật tố tụng dân sự Việt Nam			4			3						4	4
21.	Luật thương mại Việt Nam			3				3	3	3			4	4
22.	Luật hợp đồng Việt Nam			3			3						4	4
23.	Luật doanh nghiệp Việt Nam			3			3						4	4
24.	Luật đầu tư Việt Nam			3			3	3					4	4
25.	Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam			3			3	3					4	4
26.	Pháp luật hải quan			3			3						4	4

27.	Pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử			3			3						4	4
28.	Pháp luật tài chính-ngân hàng			3			3						4	4
29.	Luật học so sánh			3				3	3	3			4	4
30.	Luật hợp đồng so sánh			3			3						4	4
31.	Pháp luật về cạnh tranh			3			3						4	4
32.	Các vấn đề toàn cầu			3			3						4	4
33.	Kinh tế học đại cương	3											4	4
34.	Truyền thông quốc tế	3											4	4
35.	Quan hệ kinh tế quốc tế	3											4	4
36.	Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA)				4			3					4	4
37.	Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA)				4			3					4	4
38.	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)				4			3					4	4
39.	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP)				4			3					4	4

40.	Các hiệp định đầu tư song phương của Việt Nam				4			3					4	4
41.	Thương mại quốc tế và các vấn đề pháp lý đương đại				4			3					4	4
42.	Đầu tư quốc tế và các vấn đề pháp lý đương đại				4			3					4	4
43.	Pháp luật Liên minh châu Âu				4			3					4	4
44.	Công ước về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)				4			3					4	4
45.	Luật sở hữu trí tuệ quốc tế				4			3					4	4
46.	Trọng tài thương mại quốc tế				4			3					4	4
47.	Tập quán thương mại quốc tế (<i>lex mercatoria</i>)				4			3					4	4
48.	Tiếng Anh cơ sở 1 (dành cho nhóm đối tượng 1)										4			4
49.	Tiếng Anh cơ sở 2 (dành cho nhóm đối tượng 1)										4			4
50.	Kỹ năng thuyết trình (dành cho nhóm đối tượng 2)										4			4
51.	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao 1										4		4	4

52.	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao 2										4		4	4
53.	Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao 3 (dành cho nhóm đối tượng 2)										4		4	4
54.	Biên dịch 1										4		4	4
55.	Biên dịch 2										4		4	4
56.	Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật						3	3					4	4
57.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản						3	3	4				4	4
58.	Kỹ năng tư vấn pháp luật và hành nghề luật sư						3	3					4	4
59.	Kỹ năng soạn thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại quốc tế						3		4	4			4	4
60.	Hướng nghiệp												4	4
61.	Thực tập cuối khóa		3	3	3		3	3	3	3		3	4	4
62.	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học và thi một số học phần chuyên môn	2	3	3	3		3	3	3	3			4	4

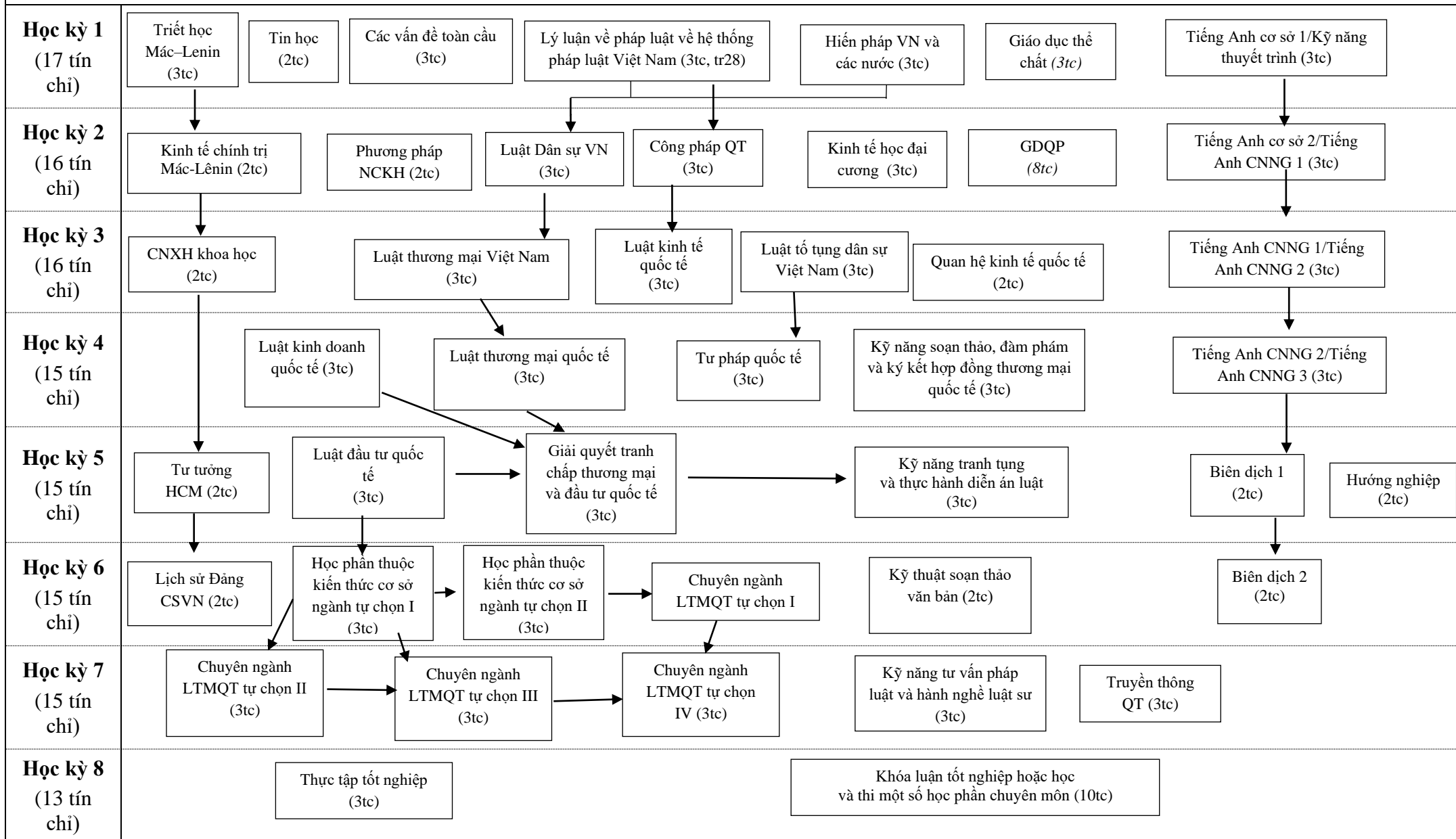
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1		17
1	Triết học Mác – Lênin	03
2	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam	03
3	Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước	03
4	Các vấn đề toàn cầu	03
5	Ngoại ngữ chính	03
6	Tin học	02
7	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>03</i>
HỌC KỲ 2		16
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	02
2	Công pháp quốc tế	03
3	Luật dân sự Việt Nam	03
4	Kinh tế học đại cương	03
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	02
6	Ngoại ngữ chính	03
7	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	<i>08</i>
HỌC KỲ 3		16
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02
2	Luật kinh tế quốc tế	03
3	Luật thương mại Việt Nam	03
4	Luật tố tụng dân sự Việt Nam	03
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	02
6	Ngoại ngữ chính	03
HỌC KỲ 4		15

1	Tư pháp quốc tế	03
2	Luật thương mại quốc tế	03
3	Luật kinh doanh quốc tế	03
4	Kỹ năng soạn thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại quốc tế	03
5	Ngoại ngữ chính	03
HỌC KỲ 5		15
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02
2	Luật đầu tư quốc tế	03
3	Giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế	03
4	Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật	03
5	Ngoại ngữ chính	02
6	Hướng nghiệp	02
HỌC KỲ 6		15
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	02
2	Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn I	03
3	Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn II	03
4	Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tự chọn I	03
5	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	02
6	Ngoại ngữ chính	02
HỌC KỲ 7		15
1	Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tự chọn II	03
2	Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tự chọn III	03
3	Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tự chọn IV	03
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật và hành nghề luật sư	03

5	Truyền thông quốc tế	03
HỌC KỲ 8		13
1	Thực tập cuối khóa	03
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học và thi một số học phần chuyên môn	10

SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN (122 tín chỉ)



V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

A. KHÔI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần này giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I.Lênin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi kết thúc học phần, trên cơ sở hiểu được các nội dung, quan điểm kinh tế chính trị Mác - Lênin, người học vận dụng được vào hoạt động kinh tế - xã hội; củng cố thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần này giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen và V. I. Lênin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho Giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi kết thúc học phần, trên cơ sở hiểu được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, người học vận dụng được vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần này giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giai cấp và giải phóng con người.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của

Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng CSVN/Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kỳ lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng khi nghiên cứu một đề tài khoa học nói chung và khoa học pháp lý nói riêng. Cụ thể học phần sẽ chỉ ra cách thức xác định mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu; các phương pháp nghiên cứu; cũng như phương pháp xây dựng lập luận pháp lý; kỹ năng viết

pháp lý (academic and professional writing). Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về cách trình bày một bài nghiên cứu khoa học nói chung, cách thức trích dẫn thông tin và tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học; và vấn đề đạo văn (khái niệm đạo văn và cách thức xử lý các bài nghiên cứu đạo văn).

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được bản chất của nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học; hiểu được cách tiến hành nghiên cứu và trình bày một đề tài khoa học; nắm được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học và các quy luật tư duy để có thể vận dụng vào công tác nghiên cứu khoa học của bản thân.

7. TIN HỌC

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu biết và sử dụng các ứng dụng văn phòng của Microsoft như: Word, Excel, Powerpoint, Access, Outlook ...

8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Số tín chỉ: **08**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần bao gồm: (i) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng; (ii) Công tác quốc phòng, an ninh; (iii) Học phần quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; (iv) Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng

B. KHỞI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

B.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỞI NGÀNH

10. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và một số ngành luật quan trọng của Việt Nam. Cụ thể, học phần chia làm hai nhóm kiến thức: Nhóm kiến thức thứ nhất cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như pháp luật, nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp), xây dựng pháp luật, giải thích và áp dụng pháp luật. Nhóm kiến thức thứ hai cung cấp các kiến thức chung về ba ngành luật quan trọng trong pháp luật Việt Nam (luật hiến pháp, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự) như nguồn của từng ngành luật, đối tượng điều chỉnh, các nội dung/chế định cơ bản của từng ngành luật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về “pháp luật”, mối quan hệ giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác như đạo đức, hay các điều lệ của các tổ chức, đoàn thể; có kiến thức khái quát về toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm vị trí, hiệu lực pháp lý của các bộ

phận cấu thành (các nguồn), đối tượng, phạm vi điều chỉnh của các ngành luật thực định và mối quan hệ của hệ thống pháp luật Việt Nam với luật pháp quốc tế.

11. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hiến pháp của các hình thức nhà nước cơ bản trên thế giới như Cộng hòa đại nghị, Cộng hòa Tổng thống, Cộng hòa lưỡng tính, Quân chủ lập hiến, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động của các quốc gia như: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Mỹ và Hiến pháp Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng tổng hợp và so sánh với các quy định của Luật Hiến pháp Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết tổng quan về hiến pháp và luật hiến pháp, phân loại hiến pháp và giám sát, thi hành, bảo vệ hiến pháp; cơ cấu lãnh thổ và chế độ chính trị; hình thức chính thể; vai trò của Đảng phái và chế độ bầu cử; nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; cũng như hiểu được lịch sử lập hiến Việt Nam; các chế định quan trọng của hiến pháp Việt Nam.

B.2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC

12. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền, nhân đạo quốc tế, dân cư, quốc tịch, luật ngoại giao, lãnh sự và giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, chủ thể và nguồn của công pháp quốc tế, cũng như một số lĩnh vực pháp luật quốc tế quan trọng; vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh.

13. TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật tố tụng dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế. Học phần gồm ba nội dung chính: (i) xung đột pháp luật, (ii) xung đột thẩm quyền và (iii) công nhận và thi hành bản án, quyết định tư pháp nước ngoài. Các nội dung trên mang tính chất giới thiệu chung về tư pháp quốc tế như khái niệm, các hệ thuộc cơ bản trong tư pháp quốc tế, các loại quy phạm xung đột pháp luật; và những nội dung cụ thể trong từng quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài như quyền sở hữu, thừa kế, hôn nhân và gia đình, quyền sở hữu trí tuệ, hợp đồng...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về xung đột luật và xung đột thẩm quyền tài phán; hiểu được cách công nhận và thi hành các phán quyết, quyết định nước ngoài, cũng hiểu nắm được cách thức giải quyết trong trường hợp các mối quan hệ tư pháp có yếu tố nước ngoài.

14. LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp khái niệm chung về Luật kinh tế quốc tế, cụ thể là: chủ thể, đối tượng điều chỉnh, nguồn, các nguyên tắc cơ bản, đặc điểm chính của Luật kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan tới khuôn khổ pháp lý và thể chế điều chỉnh các quan hệ

thương mại, đầu tư, tài chính, chuyên giao công nghệ, giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể của Luật kinh tế quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được hệ thống các văn bản pháp lý điều chỉnh sự vận hành của các thể chế, hiểu được các nguyên tắc cơ bản và phương thức giải quyết tranh chấp trong các hệ kinh tế.

15. LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật kinh doanh quốc tế bao gồm: khái niệm và đặc điểm của pháp luật kinh doanh quốc tế; các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới; xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế; các nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, bao gồm khái niệm, nguồn luật điều chỉnh, những vấn đề pháp lý cần lưu ý khi giao kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh quốc tế; những kỹ năng pháp lý cơ bản trong việc giao kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh quốc tế chủ yếu thường gặp như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế; các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế.

16. LUẬT ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu về khung pháp lý quốc tế về đầu tư. Cụ thể, học phần bao gồm các chủ đề giới thiệu chung về luật đầu tư quốc tế; lịch sử hình thành và phát triển của luật đầu tư quốc tế, giải thích các điều ước về đầu tư; khái niệm đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài; các tiêu chuẩn đối xử chung; vấn đề tước đoạt tài sản; các điều ước về đầu tư của khu vực ASEAN; các điều ước về đầu tư của Việt Nam và thực tiễn áp dụng và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư; cũng như

quá trình Việt Nam ký kết và thực hiện các hiệp ước đầu tư, đặc biệt là CPTPP và EVIPA.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được sự hiểu biết nâng cao về các vấn đề nêu trên cũng như phát triển các kỹ năng phân tích, nghiên cứu và thuyết trình của họ.

17. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại trong khuôn khổ các hiệp định thương mại quốc tế, các tổ chức kinh tế - thương mại khu vực và toàn cầu (tập trung vào tổ chức thương mại thế giới - WTO) cũng như các quan hệ thương mại song phương điển hình. Phân tích sự hình thành và thực tiễn áp dụng các luật này trong quan hệ kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề Việt Nam phải đối mặt trong quá trình cải cách, hoàn thiện môi trường pháp lý để hội nhập thương mại hiệu quả.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hiểu được quá trình ra đời và phát triển của WTO; các luật lệ chủ yếu của WTO thể hiện trong các hiệp định và án lệ của WTO; các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh thương mại hàng hóa và các ngoại lệ của chúng; cũng như hiểu được các biện pháp được áp dụng trong thương mại quốc tế.

18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế, Luật thương mại quốc tế, Luật đầu tư quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tranh chấp quốc tế và cách thức giải quyết tranh chấp quốc tế liên quan đến thương mại và đầu tư. Ngoài ra học phần sẽ giới thiệu tới sinh viên những thể chế giải

quyết tranh chấp quốc tế có vai trò nổi bật như: Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, Tòa trọng tài đầu tư quốc tế ICSID.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có khả năng hiểu được các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế; hiểu được cơ chế hoạt động nói chung và giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực thương mại và đầu tư quốc tế.

19. LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, các căn cứ phát sinh và nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; nghĩa vụ dân sự; căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ dân sự và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ dân sự; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; quy định chung về hợp đồng; xác định khái niệm, đặc điểm, chủ thể, đối tượng thừa kế, nội dung của các loại hợp đồng thông dụng.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về khái niệm, nguyên tắc pháp luật dân sự Việt Nam; nắm vững các chế định, quy định pháp luật dân sự; cũng như có kiến thức thực tiễn về việc áp dụng các quy định pháp luật dân sự.

20. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự, thẩm quyền dân sự của Tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng;

quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức chung về tố tụng dân sự và các pháp luật liên quan đến tố tụng dân sự. Ngoài ra, sinh viên sẽ có các kiến thức thực tiễn về việc áp dụng các quy định pháp luật về tố tụng dân sự trước các cơ quan tư pháp, trong đó có tòa án.

21. LUẬT THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản về thương nhân và hoạt động thương mại; khái niệm, đặc điểm và bản chất pháp lý của các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần); vấn đề thành lập doanh nghiệp và phá sản; mua bán hàng hóa và các hoạt động thương mại khác và giải quyết tranh chấp thương mại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những hiểu biết toàn diện về thương nhân và hành vi thương mại. Nắm được các đặc điểm pháp lý của các loại thương nhân, bao gồm: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, nhóm công ty và hợp tác xã; nắm được đặc trưng pháp lý của các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistic và một số hoạt động thương mại khác; nắm được bản chất của trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài và nguyên tắc cơ bản của tố tụng trọng tài cũng như ưu điểm và hạn chế của thủ tục tố tụng này.

B.3. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TỰ CHỌN

22. LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, chủ thể, đối tượng, nội dung của các loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản, hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản, hợp đồng có đối tượng là công việc.... Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về hợp đồng và pháp luật hợp đồng; biết cách so sánh pháp luật về hợp đồng của Việt Nam và một số nước.

23. LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, nội dung của học phần gồm những quy định chung của pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên của doanh nghiệp, quy chế pháp lý của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp và thủ tục phá sản doanh nghiệp, cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các kiến thức cơ bản về pháp luật doanh nghiệp của Việt Nam; hiểu được các loại hình doanh.

24. LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý về đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật khác có liên quan của Việt Nam như khung pháp lý về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường, quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư, các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó, quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt, đầu tư theo hợp đồng và hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ được bản chất của hoạt động đầu tư trong nền kinh tế thị trường Việt Nam, hiểu được các hình thức đầu tư trực tiếp và gián tiếp trên lãnh thổ Việt Nam, đồng thời có thể vận dụng các kiến thức pháp lý quan trọng về lĩnh vực địa bàn đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư của nhà nước Việt Nam phục vụ cho doanh nghiệp, cho việc thiết lập một dự án đầu tư tại Việt Nam hoặc hoặc tư vấn cho doanh nghiệp đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

25. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SHTT Việt Nam và một số quốc gia như các lý luận cơ bản về quyền sở hữu, tài sản trí tuệ, các nguyên tắc bảo hộ quyền tài sản trí tuệ; đối tượng bảo hộ... đối với từng lĩnh vực của SHTT như sáng chế, bí mật thương mại, nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, quyền tác giả, quyền liên quan; quyền đối với giống cây trồng và quy trình và thủ tục đăng ký tại Cục SHTT đối với một số đối tượng của quyền SHTT.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản liên quan đến nhiều lĩnh vực của SHTT quy định trong pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia tiêu biểu. Từ đó, sinh viên có được cái nhìn bao quát

và có khả năng đối chiếu, so sánh luật pháp của các quốc gia trong cùng một lĩnh vực SHTT nhằm áp dụng vào các vụ việc trên thực tế.

26. PHÁP LUẬT HẢI QUAN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của cơ quan hải quan, các thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu: khái niệm thủ tục hải quan, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại, hàng hóa xuất nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại...

Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức cần thiết liên quan đến pháp luật hải quan, có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vụ việc liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa phù hợp với pháp luật. Bên cạnh đó, sinh viên cũng nắm được các điều ước quốc tế trong lĩnh vực này.

27. PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về thương mại điện tử, các hình thức thương mại điện tử; các quy định của pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử và vấn đề bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

Kết thúc học phần, sinh viên nắm được lịch sử hình thành và phát triển của thương mại điện tử cũng như pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử, cách thức giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến thương mại điện tử như: sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch điện tử...

28. PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản tài chính doanh nghiệp, luật về tài chính doanh nghiệp, hoạt động ngân hàng và luật về tổ chức hoạt động ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Kết thúc học phần, sinh viên có cái nhìn tổng quan về pháp luật tài chính doanh nghiệp, pháp luật ngân hàng, nắm rõ các quan hệ về tổ chức hoạt động của các tổ chức tín dụng, hoạt động ngân hàng.

29. LUẬT HỌC SO SÁNH

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Luật học so sánh như khái niệm, sự ra đời và vai trò của luật học so sánh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tìm hiểu rõ hơn về các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới bao gồm Thông luật, Dân luật... cũng như được trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc so sánh luật và tiến hành so sánh một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau trên thế giới như luật hợp đồng, luật công ty... Trên cơ sở đó, học phần cũng cung cấp những liên hệ với hệ thống pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hiểu được đối tượng nghiên cứu của học phần và nắm bắt được sự hình thành và xu thế phát triển của Khoa học Luật học so sánh, nắm được sự khác nhau giữa các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới và quá trình hình thành, phát triển và các đặc trưng cơ bản của chúng, cũng như hiểu được sự áp dụng những đặc trưng của các hệ thống luật đó vào hệ thống pháp luật của từng quốc gia

30. LUẬT HỢP ĐỒNG SO SÁNH

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật hợp đồng của một số nước trên thế giới dưới góc độ so sánh các vấn đề như: thiết lập hợp đồng, các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, nội dung hợp đồng, sửa đổi giải thích hợp đồng, thực hiện, vi phạm và chấm dứt hợp đồng...

Kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của luật hợp đồng so sánh, nắm được quy định của một số quốc gia về thiết lập quan hệ hợp đồng, các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo pháp luật của một số nước trên thế giới...

31. PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật Kinh tế quốc tế**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hành vi vi phạm luật cạnh tranh như hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi chiếm lĩnh thị trường và hành vi tập trung kinh tế, sinh viên sẽ phân biệt được các hành vi vi phạm luật cạnh tranh diễn ra trong thực tiễn. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị các kỹ năng như tư vấn doanh nghiệp về những hành vi vi phạm luật cạnh tranh để doanh nghiệp có nhìn nhận đúng hơn về chính sách của nhà nước trong quản lý các hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các vấn đề cơ bản về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, quy định pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh, quy định pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh và thẩm quyền tố tụng cạnh tranh. Với từng chủ đề, sinh viên sẽ được tìm hiểu về quy định pháp luật và thực tiễn về các hành vi cạnh tranh để có thể vận dụng được những kiến thức lý thuyết vào thực tế.

B.4. KIẾN THỨC BỔ TRỢ

32. CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về toàn cầu hóa, các vấn đề toàn cầu và quản trị toàn cầu, nhấn mạnh tới các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, đói nghèo, di cư. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phân tích

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về toàn cầu hóa quản trị toàn cầu và các vấn đề toàn cầu, có thể vận dụng kiến thức để phân tích, nghiên cứu các vấn đề toàn cầu, có tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, tranh luận về các vấn đề toàn cầu trong việc phân tích các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới quan hệ quốc tế, bước đầu nắm được trách nhiệm của một công dân toàn cầu.

33. KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về kinh tế học bao gồm: khái niệm kinh tế học, kinh tế vi mô và vĩ mô...

Sau khi hết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp nghiên cứu kinh tế học, đặc trưng của kinh tế học, các mô hình kinh tế và các tác nhân, các lý thuyết trong kinh tế vi mô và vĩ mô: các lý thuyết cung cầu và giá cả, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, lý thuyết hành vi sản xuất; lý thuyết xác định sản lượng quốc gia, lạm phát và thất nghiệp, tổng cung-tổng cầu...

34. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành khối kiến thức giáo dục đại cương**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của TTQT tại

Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập thể truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau môn học, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

35. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư quốc tế; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với

các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức các lý thuyết về kinh tế quốc tế để giải thích được các vấn đề về kinh tế thế giới và liên hệ với các xu thế mới trên thế giới. Đồng thời, sinh viên biết vận dụng các phương pháp kinh tế để phân tích, viết báo cáo về các sự kiện kinh tế, kỹ năng thuyết trình, lập luận, phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

B.5. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TỰ CHỌN

36. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN (AFTA)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Hiệp định Thương mại tự do ASEAN (AFTA) bao gồm quá trình đàm phán, dự thảo, ký kết Hiệp định và các nội dung của Hiệp định. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tìm hiểu về thực tiễn áp dụng Hiệp định này cũng như vai trò, tác động của Hiệp định đối với các quốc gia thành viên và các quốc gia liên quan. Qua đó, sinh viên sẽ học được cách nghiên cứu, phân tích và đánh giá một Hiệp định thương mại tự do dưới nhiều góc độ và nắm rõ hơn về vai trò của các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các vấn đề cơ bản nằm trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN (AFTA) bao gồm Các quy định chung, Tự do hóa thuế quan, Quy tắc xuất xứ, Các biện pháp phi thuế quan, Thuận lợi hóa thương mại, Hải quan, Tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp, Các biện pháp vệ sinh dịch tễ, Các biện pháp phòng vệ thương mại và Các quy định thể chế.

37. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU-VIỆT NAM (EVFTA)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA) bao gồm quá trình đàm phán, dự thảo, ký kết Hiệp định và các nội dung của Hiệp định. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tìm hiểu về thực tiễn áp dụng Hiệp định này cũng như vai trò, tác động của Hiệp định đối với các quốc gia thành viên và các quốc gia liên quan. Qua đó, sinh viên sẽ học được cách nghiên cứu, phân tích và đánh giá một Hiệp định thương mại tự do dưới nhiều góc độ và nắm rõ hơn về vai trò của các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại quốc tế.

Kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được mục tiêu của EVFTA, các nội dung trọng tâm trong Hiệp định liên quan đến mở cửa thị trường đối với hàng hóa, phòng vệ thương mại, hải quan và tạo thuận lợi thương mại. hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử...

38. HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) bao gồm quá trình đàm phán, dự thảo, ký kết Hiệp định và các nội dung của Hiệp định. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tìm hiểu về thực tiễn áp dụng Hiệp định này cũng như vai trò, tác động của Hiệp định đối với các quốc gia thành viên và các quốc gia liên quan. Qua đó, sinh viên sẽ học được cách nghiên cứu, phân tích và đánh giá một Hiệp định thương mại tự do dưới nhiều góc độ và nắm rõ hơn về vai trò của các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các vấn đề cơ bản nằm trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) bao gồm Các quy định chung, Thương mại hàng hóa, Quy tắc xuất xứ, Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại, Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp, Phòng vệ thương mại, Thương mại dịch vụ, Di chuyển thể nhân, Đầu tư, Sở hữu trí tuệ, Thương mại điện tử, Cạnh tranh, Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hợp tác kinh tế và kỹ thuật, Mua sắm của chính phủ, Các điều khoản chung và ngoại lệ, Các điều khoản thể chế và Giải quyết tranh chấp.

39. HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) bao gồm quá trình đàm phán, dự thảo, ký kết Hiệp định và các nội dung của Hiệp định. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tìm hiểu về thực tiễn áp dụng Hiệp định này cũng như vai trò, tác động của Hiệp định đối với các quốc gia thành viên và các quốc gia liên quan. Qua đó, sinh viên sẽ học được cách nghiên cứu, phân tích và đánh giá một Hiệp định thương mại tự do dưới nhiều góc độ và nắm rõ hơn về vai trò của các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các vấn đề cơ bản nằm trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương bao gồm Các điều khoản ban đầu và các định nghĩa chung, Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa, Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ, Dệt may, Quản lý hải quan và tạo thuận lợi thương mại, Phòng vệ thương mại, Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, Đầu tư, Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, Dịch vụ tài chính, Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh, Viễn thông, Thương mại điện tử,

Mua sắm của Chính phủ, Chính sách cạnh tranh, Doanh nghiệp nhà nước và độc quyền chỉ định, Sở hữu trí tuệ, Lao động, Môi trường, Hợp tác và xây dựng năng lực, Nâng cao sức cạnh tranh và thuận lợi hóa trong hoạt động kinh doanh, Phát triển, Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hội tụ phương pháp hoạch định chính sách thương mại, Minh bạch hóa và chống tham nhũng, Các điều khoản hành chính và thể chế, Giải quyết tranh chấp và Các ngoại lệ và các điều khoản chung.

40. CÁC HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ SONG PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, vai trò, ý nghĩa, lịch sử hình thành, những nguyên tắc và nội dung cơ bản của các Hiệp định đầu tư mà Việt Nam là thành viên. Học phần cũng cung cấp ví dụ những thực tiễn khi áp dụng quy định của các Hiệp định đầu tư song phương tại Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, các nguyên tắc của các Hiệp định đầu tư song phương mà Việt Nam là thành viên; vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế phát sinh trong thực tiễn.

41. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐƯƠNG ĐẠI

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp những nội dung cơ bản sau: xu hướng lồng ghép những vấn đề pháp lý đương đại như lao động, nhân quyền, bảo vệ môi trường, minh bạch, chống tham nhũng và phát triển bền vững vào trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, các nguyên tắc và xu hướng lồng ghép những vấn đề phi thương mại vào thương mại quốc tế; vận dụng được các kiến

thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế phát sinh trong thực tiễn.

42. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐƯƠNG ĐẠI

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật Kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp những nội dung cơ bản sau: xu hướng lồng ghép những vấn đề pháp lý đương đại như lao động, nhân quyền, bảo vệ môi trường, minh bạch, chống tham nhũng và phát triển bền vững vào trong các hiệp định đầu tư thế hệ mới.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, các nguyên tắc và xu hướng lồng ghép những vấn đề phi thương mại vào đầu tư quốc tế; vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực đầu tư quốc tế phát sinh trong thực tiễn.

43. PHÁP LUẬT LIÊN MINH CHÂU ÂU

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật Kinh tế quốc tế**

Học phần về pháp luật Liên minh châu Âu cung cấp cho sinh viên kiến thức về các khía cạnh pháp lý của mô hình Liên minh châu Âu, quá trình hội nhập và liên kết của tổ chức này. Học phần còn tập trung đưa ra kiến thức pháp lý về cơ chế xây dựng và thực thi pháp luật Liên minh châu Âu, pháp luật nội khối và các chính sách, pháp luật ngoại khối của Liên minh Châu Âu. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các thiết chế pháp lý, hệ thống pháp luật, mô hình hợp tác ngoại khối Liên minh Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống pháp luật của một số nước trong Liên minh; về quan hệ giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam trong tổng thể chiến lược đối ngoại của Việt Nam về hợp tác chính trị, pháp lý, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được khái niệm và đặc điểm của pháp luật Liên minh châu Âu. Từ đó có thể vận dụng kiến thức trong thực tiễn công việc, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

44. CÔNG ƯỚC VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ (CISG)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật Kinh tế quốc tế, Luật Kinh doanh quốc tế**

Học phần này cung cấp những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, vai trò, ý nghĩa, lịch sử hình thành, những nguyên tắc và nội dung cơ bản của Công ước về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Học phần cũng cung cấp ví dụ những thực tiễn khi áp dụng CISG vào mua bán hàng hóa quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, các nguyên tắc của Công ước về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế phát sinh trong thực tiễn.

45. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế, Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ (SHTT) quốc tế, cụ thể gồm các lý luận cơ bản về quyền sở hữu, tài sản trí tuệ, các nguyên tắc bảo hộ quyền tài sản trí tuệ; đối tượng bảo hộ, cách thức bảo hộ, thời gian bảo hộ, quyền của người sở hữu tài sản trí tuệ... đối với từng lĩnh vực của SHTT như sáng chế, bí mật thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, quyền tác giả, quyền liên quan. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức thực tiễn liên quan đến quy trình và thủ tục đăng ký quốc tế đối với một số đối tượng của quyền SHTT và các hình thức vi phạm trên thực tế để sinh viên nắm bắt được cơ chế đảm bảo thực thi quyền SHTT trong các điều ước quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế về sở hữu trí tuệ; các đặc trưng cơ bản của

các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ; mối quan hệ giữa pháp luật trong nước và quốc tế liên quan tới sở hữu trí tuệ; và các vấn đề cơ bản liên quan tới các biện pháp thi hành quyền sở hữu trí tuệ.

46. TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật thương mại quốc tế, Luật tố tụng dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài, khuôn khổ pháp luật trọng tài thương mại quốc tế, cách xác định luật áp dụng đối với tố tụng trọng tài và nội dung vụ việc, quy trình tố tụng trọng tài, thỏa thuận trọng tài, hội đồng trọng tài, ban hành và thực thi phán quyết trọng tài, vai trò của tòa án quốc gia trong tố tụng trọng tài và trọng tài Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế về trọng tài; hiểu được các đặc trưng cơ bản của thủ tục trọng tài; hiểu được mối quan hệ giữa pháp luật trong nước và quốc tế liên quan đến thỏa thuận trọng tài, thủ tục trọng tài và phán quyết trọng tài; nắm được mối quan hệ giữa ý chí của các bên và luật áp dụng trong tất cả các bước của thủ tục trọng tài; cũng như các vấn đề cơ bản liên quan đến thực thi phán quyết trọng tài.

47. TẬP QUÁN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (*LEX MERCATORIA*)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế, luật Kinh doanh quốc tế**

Học phần này cung cấp những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, vai trò, ý nghĩa, lịch sử hình thành và phát triển của tập quán thương mại quốc tế (*lex mercatoria*); Các nguyên tắc cơ bản của tập quán thương mại quốc tế, các khuyến nghị luật mẫu, hợp đồng mẫu; án lệ và thực tiễn xét xử trọng tài thương mại quốc tế; cách thức áp dụng và thực tiễn áp dụng trong pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, các nguyên tắc của tập quán quốc tế; vận

dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế phát sinh trong thực tiễn.

C. KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ

48. TIẾNG ANH CƠ SỞ I (DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 1)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (5.5 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết phục vụ giao tiếp ở mức độ trung cấp. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc để đoán, sử dụng từ vựng tiếng Anh hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

49. TIẾNG ANH CƠ SỞ II (DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 1)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (6.0 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần giúp sinh viên tiếp tục phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết phục vụ cho mục đích học thuật. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ trung bình tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả

những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

50. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH (THUỘC KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ - DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 2)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này bao gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về quy trình thực hiện một bài trình bày/thuyết trình trước một nhóm khán giả/người nghe. Kiến thức và nội dung bao gồm như tìm và tổng hợp thông tin, phác thảo đề cương (chuẩn bị trước khi thuyết trình), cấu trúc một bài thuyết trình (giới thiệu/phần mở đầu bài thuyết trình, nội dung chính bài thuyết trình, xử lý kết thúc một bài thuyết trình), sử dụng giáo cụ trực quan (ảnh, video). Toàn bộ chương trình học được giảng dạy và thực hành bằng Tiếng Anh.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có thể thực hiện một bài thuyết trình bằng Tiếng Anh rõ ràng và mạch lạc trước khán giả.

51. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học tiếng Anh cơ sở)**

Học phần cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và

phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bài báo về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times... Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên các kênh truyền thanh như VOA và BBC. Học phần bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác và thảo luận nội dung các tin/ bài được đăng tải trên các báo/ chương trình phát thanh tiếng Anh về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

52. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng hơn về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu ở mức độ cao hơn và sâu hơn vào các lĩnh vực quan hệ quốc tế, luật quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày xung quanh nội dung các tin/ bài được đăng tải trên các báo/ chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Sinh viên tiếp tục được trang bị các kỹ năng mới như đọc để rút ra ý chính, suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan trong bài báo, nghe để rút ra được ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xác định vấn đề thời sự, so sánh đối chiếu và biện luận những nhân tố tác động đến các sự kiện quốc tế; có khả năng xây dựng lại một sự kiện, hay một đoạn tin dựa trên những phân tích, lập luận trong quá trình đọc hiểu, nghe hiểu tin tức đó; có khả năng sắp xếp ý, tổng hợp vấn đề, phân tích có chiều sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế.

53. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III (DÀNH CHO NHÓM ĐỐI TƯỢNG 2)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I, II**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận nâng cao khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và các đoạn tin tức thời sự và bình luận theo những chủ đề thuộc chuyên ngành ngoại giao từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bình luận về chủ đề Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế thông qua các bài báo lấy từ các nguồn như The Guardian Weekly, the Economist, the Diplomat, Foreign Policy, Foreign Affairs... Sinh viên sẽ phải vận dụng toàn bộ các kỹ năng đã học ở các học phần trước đó như đọc lướt (skimming), đọc lấy ý (scanning), phân tích diễn ngôn (discourse analysis) để có thể hiểu sâu nội dung của bài bình luận, đồng thời sinh viên được trang bị các kỹ năng và kiến thức để vận dụng vào viết một bài tóm tắt hoàn chỉnh về nội dung bài đọc, bình luận.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức sâu hơn về các vấn đề thuộc chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế để có thể trình bày hiểu biết cũng như quan điểm về các lĩnh vực chuyên ngành của mình. Đồng thời, sinh viên có thể đọc hiểu và tóm tắt, biên dịch một bài báo tiếng Anh chuyên ngành.

54. BIÊN DỊCH I

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II (Nhóm đối tượng 1) hoặc tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III (Nhóm đối tượng 2)**

Học phần thuộc khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành, gồm hai phần: Biên dịch Việt - Anh 1 và Biên dịch Anh – Việt 1. Phần 1, Biên dịch Việt – Anh 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ trung

cấp. Sinh viên được hướng dẫn dịch các văn bản có độ dài 220 - 250 từ. Mỗi bài học có một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng dịch cơ bản cho sinh viên. Học phần Biên dịch Việt - Anh 1 tập trung vào các chủ đề: ngoại giao, du lịch, lâm nghiệp, dân số, lao động, năng lượng, biến đổi khí hậu, giao thông vận tải, tài chính, giáo dục, cải cách hành chính và thương mại.

Biên dịch Anh - Việt 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt ở trình độ trung cấp. Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch một phần văn bản (bài báo, tin tức về các chủ đề quan hệ quốc tế trong giáo trình đọc tiếng Anh chuyên ngành 1) có độ dài 200 - 250 từ. Học phần Biên dịch Anh - Việt 1 tập trung vào các chủ đề: môi trường, mâu thuẫn xã hội, bình đẳng giới, nghèo đói, năng lượng - dầu mỏ, dịch bệnh, thiên tai, dân số.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề đã học; nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc; hiểu được vai trò và tầm quan trọng của một biên dịch viên.

55. BIÊN DỊCH II

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Biên dịch I**

Học phần thuộc khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành. Học phần gồm 2 phần:

Biên dịch Việt - Anh 2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ trung cao cấp. Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch các văn bản có độ dài 250 - 300 từ. Mỗi bài học đều theo một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng dịch cho sinh viên. Học phần Biên dịch 2 tập trung vào các chủ đề: Ngoại giao, phát triển bền vững, ASEAN, phòng chống tham nhũng, hoạt động của Liên hợp quốc tại Việt Nam, ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng, bình đẳng giới, ngân hàng, kiến trúc và quy hoạch đô thị.

Biên dịch Anh - Việt 2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch các văn bản viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt ở trình độ trung cao cấp. Ở giai đoạn này sinh viên sẽ được hướng dẫn dịch một phần văn bản (bài báo, tin tức theo giáo trình đọc Tiếng Anh chuyên ngành 2) có độ dài 250 - 300 từ. Phần dịch có độ khó và độ dài tăng dần, đòi hỏi sinh viên phải vận dụng nhanh nhạy kỹ năng dịch đã học ở học phần 1. Học phần Biên dịch Anh - Việt 2 tập trung vào các chủ đề: chủ nghĩa ly khai và khủng bố, xung đột khu vực, giải trừ quân bị, viện trợ nước ngoài, nhân quyền, vấn đề hạt nhân, khu vực hóa, toàn cầu hóa, quan hệ song phương, quan hệ đa phương.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề đã học; nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc; hiểu được vai trò và tầm quan trọng của một biên dịch viên.

D. KHỐI HỌC PHẦN KỸ NĂNG

56. KỸ NĂNG TRANH TỤNG VÀ THỰC HÀNH DIỄN ÁN LUẬT

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Luật tố tụng dân sự, Giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tiễn về các cuộc thi diễn án luật quốc tế phổ biến trên thế giới trong các lĩnh vực, luật thương mại quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế... Học phần cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cần thiết của một luật sư khi tham gia vào quá trình tố tụng. Các kỹ năng bao gồm chuẩn bị hồ sơ tranh tụng (nghiên cứu vụ việc, phân tích chứng cứ, viết bản đệ trình...) và kỹ năng trình bày trước tòa sẽ được phát triển và trau dồi thông qua các bài tập tình huống cụ thể và phiên tòa giả định.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được chủ đề, nội dung các cuộc thi diễn án luật quốc tế lớn và phổ biến trên thế giới. Thông qua học phần, sinh viên nắm được tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng nghiên cứu pháp lý, kỹ năng viết, kỹ năng tranh tụng và trình bày một vấn đề pháp lý.

57. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này giới thiệu tới sinh viên những loại văn bản hành chính quan trọng trong các cơ quan hành chính Nhà nước của Việt Nam, đặc biệt là những văn bản mang tính chất đặc thù của ngành Ngoại giao và cách thức soạn thảo những loại văn bản này. Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm về các loại văn bản, đặc trưng, thể thức và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thường dùng và văn bản chuyên ngành ngoại giao.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và nắm vững các loại văn bản quản lý hành chính nhà nước, văn bản hợp đồng dân sự, văn bản hợp đồng kinh tế, văn bản ngoại giao..., đồng thời rèn luyện những kỹ năng xây dựng văn bản theo quy định. Qua đó, sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu viết các loại văn bản trong quá trình công tác tại các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp.

58. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành khối kiến thức cơ sở khối ngành và kiến thức cơ sở ngành bắt buộc**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để hành nghề luật sư như nghiên cứu hồ sơ vụ việc, tư vấn pháp lý, đàm phán giải quyết tranh chấp, thuyết trình, tranh tụng trước tòa...thông qua việc giải quyết các tình huống thực tế bằng việc viết các bản báo cáo tóm tắt vụ việc, văn bản tư vấn khách hàng,...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có các kiến thức pháp lý về pháp luật liên quan đến tư vấn pháp lý và hành nghề luật sư. Qua đó, học phần góp phần hình thành cho sinh viên các quan điểm vững chắc về đạo đức hành nghề luật sư. Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kinh nghiệm xử lý ban đầu các tình huống pháp lý.

59. KỸ NĂNG SOẠN THẢO, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Luật thương mại quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như thực tiễn soạn thảo, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế; giúp sinh viên nắm bắt được chiến lược, chiến thuật đàm phán, cách thức triển khai đàm phán, kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức lý thuyết chung về soạn thảo, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế; nắm bắt các yếu tố có ảnh hưởng đến đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng có được các kiến thức về quá trình chuẩn bị và thực hành đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế.

Hà Nội, ngày tháng năm 202

Q. GIÁM ĐỐC

Phạm Lan Dung